**Bảng dành cho đơn vị Sở Tư pháp**

**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1149/QĐ-BNV**

*(Ban hành kèm theo Công văn số**/SNV-CCHC ngày / 01 /2021 của Sở Nội vụ)*

| **STT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá thực tế** | | | | **Chỉ số** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tự đánh giá** | **BNV đánh giá** | **Điều tra XHH** | **Điểm đạt được** |
| ***2.*** | **XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH** | **5.00** |  |  |  |  |  |  |
|  | ***Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)*** | ***2.00*** |  |  |  |  |  |  |
| ***2.1.1*** | Thực hiện các hoạt động về TDTHPL | 1.00 |  |  |  |  |  |  |
|  | *Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0.25* |  |  |  |  |  |  |  |
| *Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0.5* |  |  |  |  |  |  |  |
| *Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0.25* |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2.1.2*** | Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật | 1.00 |  |  |  |  |  |  |
|  | *Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền:1* |  |  |  |  |  |  |  |
| *Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền:0* |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2.2*** | ***Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)*** | ***1.50*** |  |  |  |  |  |  |
| ***2.2.1*** | Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | 0.50 |  |  |  |  |  |  |
|  | *Kịp thời, đúng quy định:0.5*  *Không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0* |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2.2.2*** | Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát | 1.00 |  |  |  |  |  |  |
|  | *Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc xử lý: 1.0* |  |  |  |  |  |  |  |
| *Tất cả số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành: 0.5* |  |  |  |  |  |  |  |
| *Tất cả số văn bản chưa xử lý: 0* |  |  |  |  |  |  |  |
| *Điểm đánh giá được tính theo công thức: (b/a) \*1.0 + (c/a)\*0.5*  *Trong đó:*  *a là tổng số văn bản cần phải xử lý.*  *b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.*  *c là số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (có dự thảo).*  *Trường hợp a = 0, thực hiện đánh giá theo văn bản hướng dẫn.* |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2.3*** | ***Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị*** | ***1.50*** |  |  |  |  |  |  |
|  | *Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc xử lý: 1.5* |  |  |  |  |  |  |  |
| *Tất cả số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành: 1.0* |  |  |  |  |  |  |  |
| *Tất cả số văn bản chưa xử lý: 0* |  |  |  |  |  |  |  |
| *Điểm đánh giá được tính theo công thức: (b/a) \*1.5 + (c/a)\*1.0*  *Trong đó:*  *a là tổng số văn bản cần phải xử lý.*  *b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.*  *c là số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (có dự thảo).*  *Trường hợp a = 0, thực hiện đánh giá theo văn bản hướng dẫn.* |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

| **STT** | **Tên TC/TCTP** | **Cách chấm điểm** | **Tài liệu kiểm chứng**  **(TLKC)** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | TCTP 2.1.1 - Thực hiện các hoạt động về TDTHPL | - Nếu thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành thì điểm đánh giá là 1, cụ thể như sau:  + Có thực hiện thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật thì được 0.25 điểm;  + Có thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thì được CỘNG THÊM 0.5 điểm;  + Có thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thì được CỘNG THÊM 0.25 điểm.  - Nếu hoạt động nào trong 03 hoạt động nêu trên không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với hoạt động đó. | - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh;  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp (do Bộ Tư pháp cung cấp).  - TLKC khác nếu có. |
|  | TCTP 2.1.2 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật | - Yêu cầu: Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, các tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.  - Nếu ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 1; không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0. | - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh;  - Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật;  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp. |
|  | TCTP 2.2.1 - Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | - Yêu cầu: Ban hành văn bản công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.  - Nếu công bố kịp thời, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5;  - Nếu công bố không kịp thời hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. | Các văn bản công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|  | TCTP 2.2.2- Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát | - Yêu cầu: Lập danh mục tổng số văn bản cần phải xử lý sau rà soát:  - Thống kê:  + Tổng số văn bản cần phải xử lý (a).  + Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý (b).  + Số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (c).  Những văn bản chưa hoàn thành việc xử lý do yếu tố khách quan, đề nghị có giải trình lý do từng trường hợp cụ thể.  - Trường hợp có văn bản phải xử lý sau rà soát thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (b/a) \*1.0 + (c/a)\*0.5  -Trường hợp không có văn bản phải xử lý sau rà soát thì điểm đánh giá là 1. | - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của tỉnh;  - Danh mục tổng hợp các văn bản cần xử lý sau rà soát và kèm theo tiến độ, kết quả xử lý.  - Các văn bản chứng minh kết quả rà soát đã được xử lý;  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp. |
|  | TC 2.3 - Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị. | - Yêu cầu: Lập danh mục các văn bản cần phải xử lý sau kiểm tra (Gồm các văn bản do tỉnh kiểm tra, kết luận theo thẩm quyền; các văn bản do các bộ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và kiến nghị xử lý).  - Thống kê:  + Tổng số văn bản cần phải xử lý (a)  + Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý (b)  + Số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (c).  - Trường hợp có văn bản phải xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (b/a) \*1.5 + (c/a)\*1  -Trường hợp không có văn bản phải xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá là 1.5. | - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của tỉnh;  - Các văn bản chứng minh kết quả kiểm tra đã được xử lý;  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp. |